

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 403/01-26

Mã mẫu: 2601NC214 (109/01-26) Trang: 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bom, Xã Cù Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 15/01/2026 **Ngày trả kết quả**: 22/01/2026  
**Thời gian lưu mẫu** : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả  
**Loại mẫu** : Nước cấp  
**Mô tả mẫu** : Nước trong  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động bình thường  
**Ký hiệu/vị trí lấy mẫu** : NC1 Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,73	6,0-8,5
2	Độ đục <sup>(b)</sup>	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
3	Mùi <sup>(*)</sup>	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Clo dư <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,42	0,2-1,0
5	Độ màu <sup>(b)</sup>	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
6	Độ kiềm <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	16,1	-
7	Chỉ số KMnO <sub>4</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Tổng Coliform <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

**Ghi Chú:**

KPH: Không phát hiện (<MDL)  
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp  
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận  
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận  
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ  
(\*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC  
Phó Giám đốc  
TRUNG TÂM  
MÔI TRƯỜNG VÀ  
SINH THÁI  
ỨNG DỤNG  
HOÀNG VĂN TÍN

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 404/01-26

Mã mẫu: 2601NC215 (109/01-26) Trang : 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bom, Xã Cù Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 15/01/2026 **Ngày trả kết quả**: 22/01/2026  
**Thời gian lưu mẫu** : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả  
**Loại mẫu** : Nước cấp  
**Mô tả mẫu** : Nước trong  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động bình thường  
**Ký hiệu/vị trí lấy mẫu** : NC2 Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,50	6,0-8,5
2	Độ đục <sup>(b)</sup>	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
3	Mùi <sup>(*)</sup>	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Clo dư <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,38	0,2-1,0
5	Độ màu <sup>(b)</sup>	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
6	Độ kiềm <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	15,6	-
7	Chỉ số KMnO <sub>4</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Tổng Coliform <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

### Ghi Chú:

**KPH:** Không phát hiện (<MDL)  
**MDL:** Giới hạn phát hiện của phương pháp  
**QCVN 01-1:2024/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận  
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận  
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ  
(\*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM



HOÀNG VĂN TÍN

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 405/01-26

Mã mẫu: 2601NC216 (109/01-26) Trang : 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bom, Xã Cù Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 15/01/2026 **Ngày trả kết quả**: 22/01/2026  
**Thời gian lưu mẫu** : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả  
**Loại mẫu** : Nước cấp  
**Mô tả mẫu** : Nước trong  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động bình thường  
**Ký hiệu/vị trí lấy mẫu** : NC3 Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,69	6,0-8,5
2	Độ đục <sup>(b)</sup>	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
3	Mùi <sup>(*)</sup>	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Clo dư <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,35	0,2-1,0
5	Độ màu <sup>(b)</sup>	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
6	Độ kiềm <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	15,6	-
7	Chỉ số KMnO <sub>4</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Tổng Coliform <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

**Ghi Chú:**

KPH: Không phát hiện (<MDL)  
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp  
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận  
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận  
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ  
(\*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC  
Phó Giám đốc

TRUNG TÂM  
MÔI TRƯỜNG VÀ  
SINH THÁI  
ỨNG DỤNG

HOÀNG VĂN TÍN